

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 21-9-2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Đại

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thanh Lam, ông Lê Đình Khôi

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị **Phạm Thúy L**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp C, xã V huyện G, tỉnh Kiên Giang.

***- Bị đơn:*** Anh **Thái Bình M**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 238/2, Tổ 1, Ấp 1, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L, anh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thúy L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thái Bình M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, không có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo luật định do thời điểm chung sống với nhau thì anh M chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, sau đó thì có nhiều việc bận nên không có thời gian để đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, nên có xảy ra cãi nhau. Chị và anh M đã không còn sống chung với nhau từ năm 2009 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về nuôi **con**: Chị và anh M có 01 con chung là Thái Bình S, sinh ngày 10/10/2006. Khi ly hôn chị L đồng ý giao con cho anh M nuôi dưỡng và tạm thời không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Thái Bình M trình bày*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, không có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo luật định do thời điểm chung sống với nhau thì anh M chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, sau đó thì có nhiều việc bận nên không có thời gian để đăng ký. Anh và chị L chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm nên có xảy ra cãi nhau. Anh và chị L không còn sống chung với nhau từ năm 2009 đến nay. Anh nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị L.

- Về nuôi **con**: Vợ chồng có 01 con chung là Thái Bình S, sinh ngày 10/10/2006. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

- Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh M là vợ chồng. Về con chung: Giao cho anh M trực tiếp nuôi con chung, tạm thời chị L chưa phải cấp dưỡng cho con. Các đương sự trình bày không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Thái Bình M có nơi cư trú, sinh sống tại xã P, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Phạm Thúy L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh M, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự chị L là nguyên đơn và anh M là bị đơn, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Chị L và anh M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên không được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, không hòa hợp nên đã không còn chung sống từ năm 2009 cho đến nay.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cũng thể hiện phù hợp với lời khai của các đương sự. Mặc dù chị L, anh M đủ điều kiện kết hôn nhưng chị L, anh M lại chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào khoản 1, Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016, Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh M là vợ chồng.

- Về nuôi con: Chị Phạm Thị L và anh Thái Bình M có 01 con chung là Thái Bình S, sinh ngày 10/10/2006. Khi ly hôn, chị L, anh M thỏa thuận giao con chung cho anh M nuôi dưỡng, anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên tạm thời chị L chưa cấp dưỡng cho con. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Từ sau khi xảy ra mâu thuẫn, con chung do anh M trực tiếp nuôi dưỡng và con chung đủ 07 (bảy) tuổi trở lên có nguyện vọng muốn ở với anh M. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83

Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con của bị đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về tài sản: Chị L, anh M trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm b Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thúy L và anh Thái Bình M là vợ chồng.

- Về nuôi con: Giao cho anh Thái Bình M trực tiếp nuôi con chung là Thái Bình S, sinh ngày 10/10/2006, tạm thời chị Phạm Thúy L chưa phải cấp dưỡng cho con.

- Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: chị Phạm Thúy L và anh Thái Bình M trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Phạm Thúy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002486 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã P, huyện T;
- UBND xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bá Đại**